TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2025/DS-ST
Ngày 17 – 11 - 2025
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Kim Kết
Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim T1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp TLA, xã TT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Trần Văn L, sinh năm: 1976 (vắng mặt).
2. Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TLA, xã TT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Lê Kim T1 trình bày:* Vào ngày 25/01/2024 âm lịch anh Trần Văn L và chị Huỳnh Ngọc T có hỏi mượn của chị lê Kim T1 số tiền 15.820.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào chị T1 cần thì anh L, chị T trả lại cho chị T1. Ngoài ra, vào khoảng tháng 5/2025 chị T1 có cho anh L, chị T mượn số tiền 2.300.000 đồng. Tổng tiền mượn là 18.120.000 đồng. Khi chị T1 cần lấy lại tiền cho mượn có báo cho anh L chị T nhưng anh chị chỉ trả cho chị T1 được số tiền 590.000 đồng còn lại 17.530.000 đồng đến nay chưa trả cho chị. Nay chị T1 yêu cầu anh L và chị T phải trả cho chị T1 số tiền là 17.530.000 đồng.

* *Bị đơn anh Trần Văn L và chị Huỳnh Ngọc T:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Văn L và chị Huỳnh Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Xét các tài liệu chứng cứ do chị T1 cung cấp thể hiện giấy ghi tính tiền không đề tựa, theo chị T1 xác định là giấy ghi tính tiền anh L, chị T mượn của chị do chị T1 ghi nhưng không thể hiện rõ nội dung và người ký xác nhận. Tuy nhiên, xét thấy quá trình giải quyết vụ án anh L, chị T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được việc chị T1 khởi kiện anh chị đòi lại số tiền 17.530.000 đồng nhưng anh chị không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T1. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự quy định về quyền đòi lại tài sản: *"Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản hoặc người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật".* Do đó, buộc anh L, chị T phải trả cho chị T1 số tiền 17.530.000 đồng là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:* Anh L, chị T phải chịu theo quy định. Chị T1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim T1. Buộc anh Trần Văn L và chị Huỳnh Ngọc T phải trả cho chị Lê Kim T1 số tiền 17.530.000 đồng.

Kể từ ngày chị Lê Kim T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh Trần Văn L và chị Huỳnh Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Kim T1 không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị Lê Kim T1 438.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001046 ngày 06 tháng10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (nhận tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4).

Anh Trần Văn L và chị Huỳnh Ngọc T phải chịu 876.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung